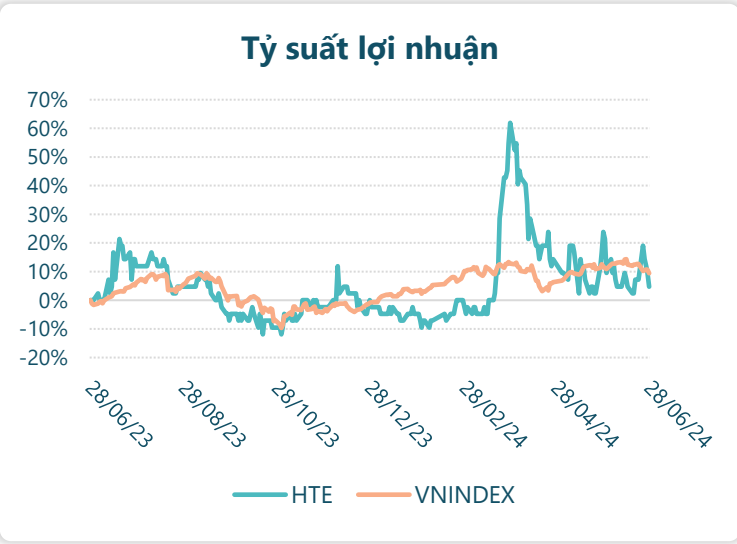


Ngày	4,400 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.3%	-35.3%	10.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,700 - 6,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	100
Số lượng CPLH (CP)	22,638,165
KLGD BQ 20 phiên (CP)	48,570
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.37
EPS	-68
P/E	-64.8



Doanh thu thuần
Q2/24

17.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.90 | -14.7%

YoY: ▲ 7.00 | 69.7%

Nợ/VCSH
Q2/24

55.2%

YoY: +/-▲ 6.8%

LN gộp
Q2/24

-0.56

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.46 | -461%

YoY: ▼2.90 | -124%

ROE (TTM)
Q2/24

-0.7%

YoY: +/-▼ 1.7%

LN trước thuế
Q2/24

-2.00

tỷ VNĐ

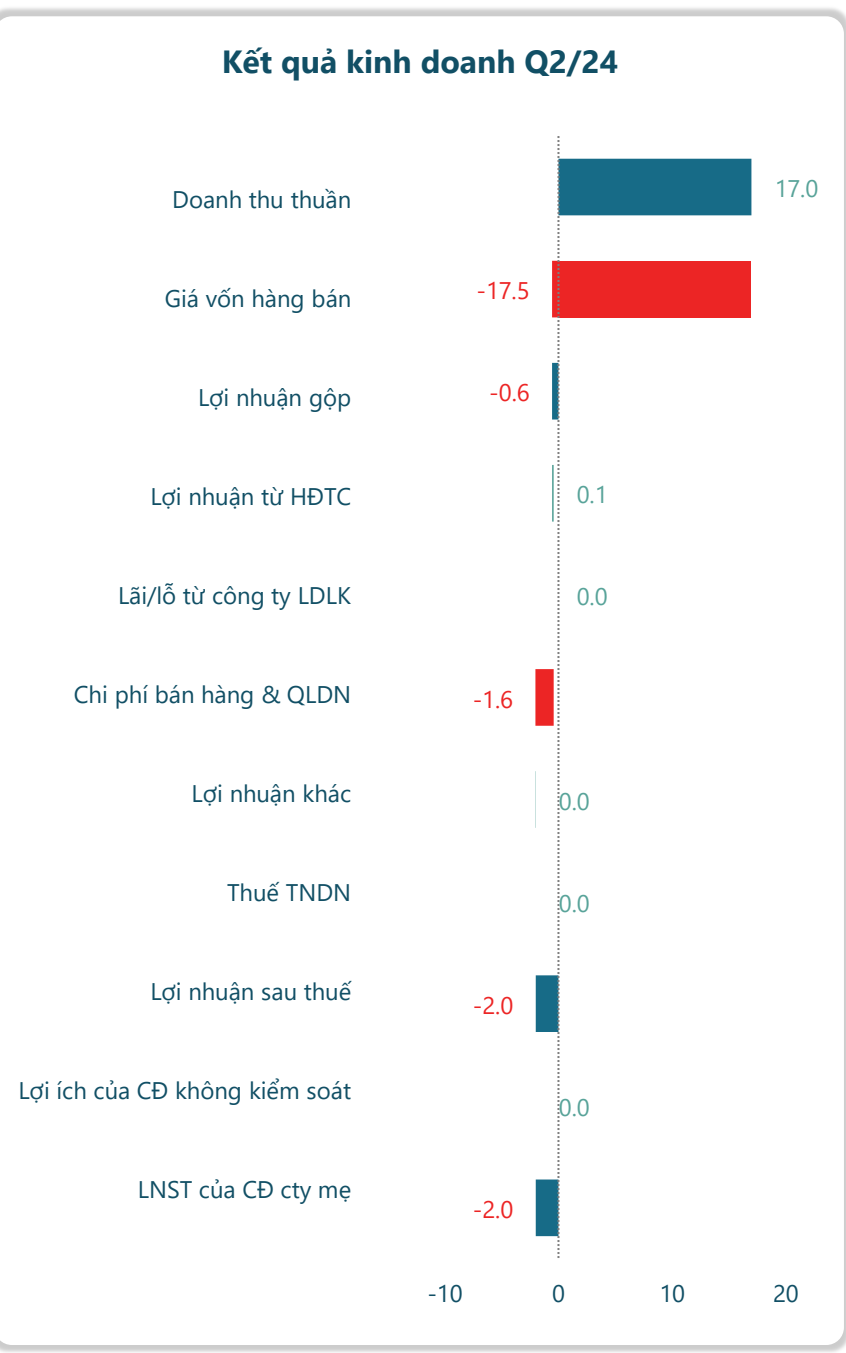
QoQ: ▼0.73 | -57.4%

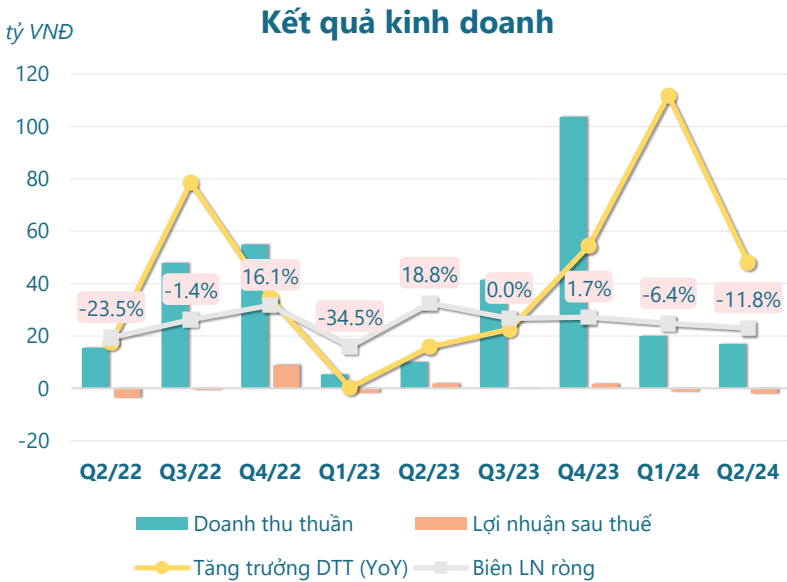
YoY: ▼3.89 | -206%

ROA (TTM)
Q2/24

-0.5%

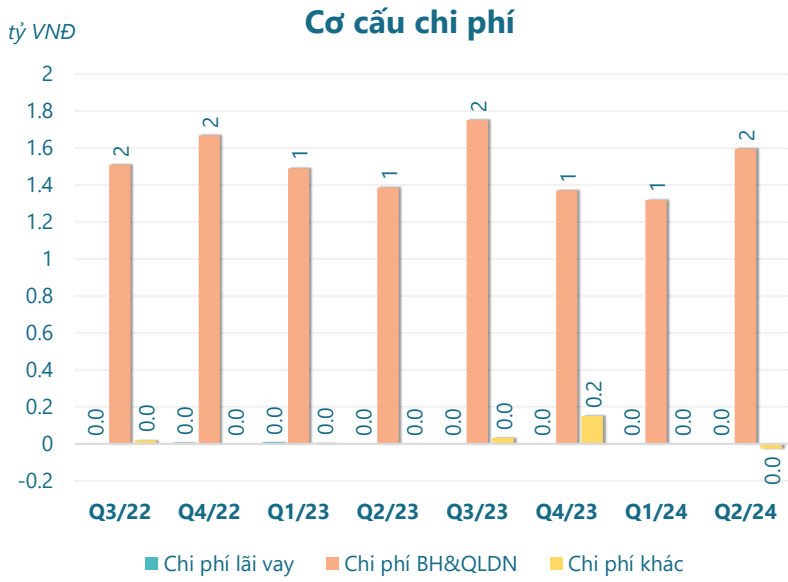
YoY: +/-▼ 1.2%





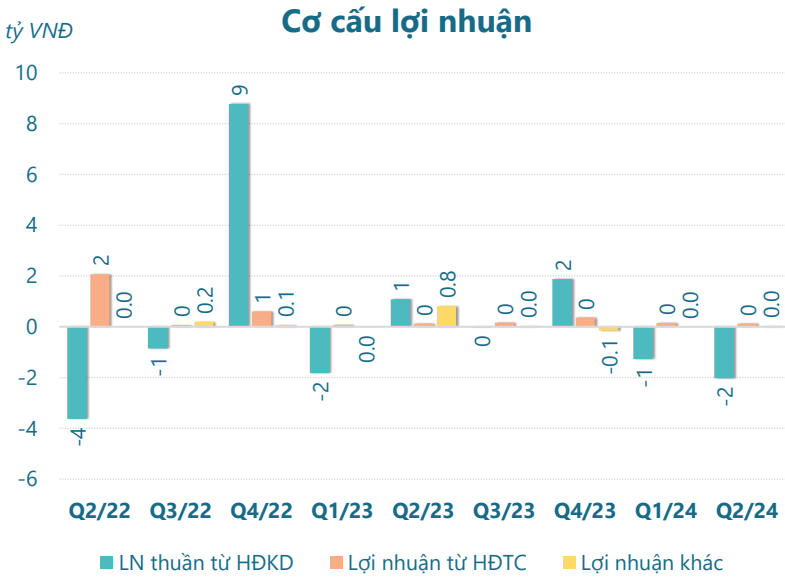
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 0.76 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 288% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.13 tỷ đồng**, giảm đi 13.3% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.03 tỷ đồng**, tăng thêm 0.03 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 96.3% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **HTE** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **16.97 tỷ đồng** tăng thêm **69.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 2.00 tỷ đồng**, giảm sút **206%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **37.00 tỷ đồng** cao hơn 147% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 6 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **37.00 tỷ đồng** cao hơn 147% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -3.00 tỷ đồng** giảm đi 3.00 tỷ



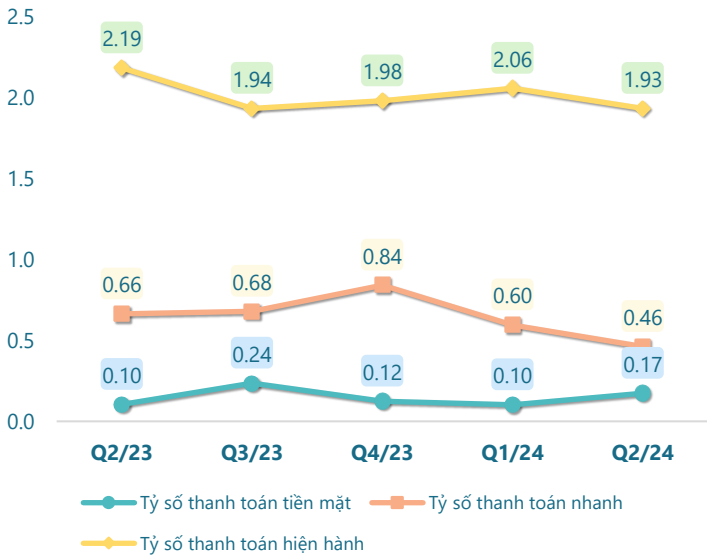
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **1.60 tỷ đồng** tăng thêm 21.2% so với kỳ trước và cao hơn 15.1% so với cùng kỳ năm trước.

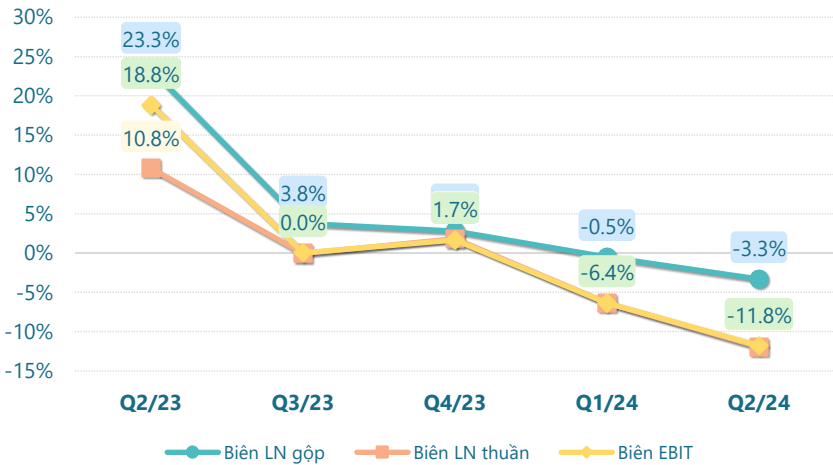
Chi phí khác bằng **-0.03 tỷ đồng** giảm đi 0.03 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.03 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	17.0	19.9	-14.7%	10.0	69.7%	36.9	15.4	140%
Giá vốn hàng bán	17.5	20.0	-12.3%	7.70	128%	37.5	13.4	179%
Lợi nhuận gộp	-0.56	-0.10	-461%	2.34	-124%	-0.66	1.92	-134%
Doanh thu HĐTC	0.13	0.14	-6.5%	0.13	0.7%	0.27	0.21	27.7%
Chi phí TC	0	-0.01	100%	0.00		-0.01	0.01	-178%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0.01	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.60	1.32	20.9%	1.39	14.8%	2.91	2.88	1.4%
LN thuần từ HĐKD	-2.03	-1.27	-59.5%	1.08	-288%	-3.30	-0.75	-340%
Lợi nhuận khác	0.03	0.00		0.81	-96.7%	0.03	0.80	-96.7%
LN trước thuế	-2.00	-1.27	-57.4%	1.89	-206%	-3.27	0.06	-5899%
Lợi nhuận sau thuế	-2.00	-1.27	-57.4%	1.89	-206%	-3.27	0.06	-6025%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.00	-1.27	-57.4%	1.89	-206%	-3.27	0.06	-6025%

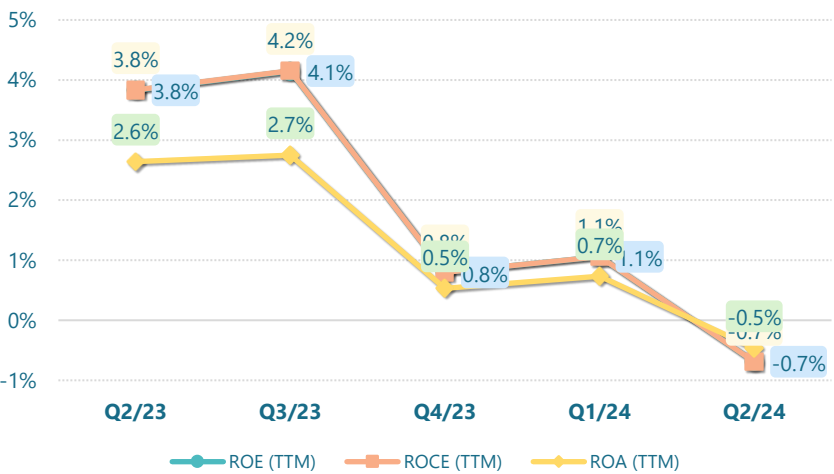
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

